

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2022/HN-ST

Ngày: 08-12-2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng

2. Ông Ngô Bá Đức

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu
Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thủy T, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: số 88 L, tổ A, ấp T, xã T1, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: số 158 ấp H, xã P, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị T có mặt, anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Trần Thị Thủy T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Trần Văn M. Lý do: Chị và anh Trần Văn M do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng

cùng sinh sống cùng gia đình chị nhưng sau một thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau. Anh M không có nghề nghiệp ổn định, không lo được cho vợ con. Sau khi anh M đi cai nghiện ma túy về thường xuyên bạo lực, hăm dọa và đánh chị. Chị luôn cảm thấy bất an và không thể sống chung nên đã ly thân từ 02 năm nay. Trong thời gian này, cả hai không có ý muốn hàn gắn vợ chồng. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 15/9/2010 và Trần Hoàng P, sinh ngày 25/9/2015, đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Trần Văn M vắng mặt theo giấy triệu tập, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thủy T; Con chung: Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 15/9/2010 và Trần Hoàng P, sinh ngày 25/9/2015, để chị T trực tiếp nuôi 02 con, ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Chị T bày không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Thủy T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Trần Thị Thủy T là nguyên đơn, anh Trần Văn M là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Trần Văn M được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng không có đơn xin vắng, không rõ lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thủy T, thấy rằng:

Chị T cho rằng do quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh M có hành vi đe dọa, đánh đập chị. Có 01 thời gian dài không sống chung, không thể hàn gắn được, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên quyết định ly hôn.

Anh M vắng mặt không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, bà Nguyễn Thị L là mẹ của anh M cho biết thông tin: Hôn nhân của anh M và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống ở thành phố Hồ Chí Minh bên nhà của chị T được một thời gian. Sau đó bà nghe anh M nói lại là bên gia đình chị T khó khăn nên xảy ra mâu thuẫn. Đồng thời chị T không có làm dâu trong gia đình bà và chị T cũng không cư xử lễ phép với bà nên cũng xảy ra mâu thuẫn. Tòa án gửi giấy tờ, bà có thông báo cho anh M biết nhưng anh M nói bận làm nên không đến tham dự được, để Tòa án giải quyết theo quy định. Theo nhận định của bà, hôn nhân giữa anh M và chị T không thể hàn gắn được do tình cảm bị rạn nứt và chị T có tình cảm khác. Anh M cũng đồng ý theo ý muốn của chị T. Anh M và chị T có 02 người con chung, sinh ra và lớn lên bên gia đình chị T, anh M cũng đồng ý để chị T nuôi nhưng anh M không cấp dưỡng, có bao nhiêu thì cho bấy nhiêu. Anh M và chị T không có tài sản chung và cũng không nợ nần ai.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn về việc chị T cho rằng quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh M hăm dọa và đánh chị, làm chị bị ảnh hưởng tâm lý. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Trong thời gian này vợ chồng cũng không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh M vắng mặt không đến Tòa nên không thể tiến hành hòa giải được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 15/9/2010 và Trần Hoàng P, sinh ngày 25/9/2015 hiện đang sống với chị T. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con. Thấy rằng khi hỏi ý kiến của 02 con đều có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ khi sinh ra các con đã sống cùng với chị T bên gia đình chị T, đã quen với điều kiện sinh sống và cũng đang học tập tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, để chị T trực tiếp nuôi 02 con khi ly hôn là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T trình bày không có, không yêu cầu, anh M vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T trình bày không có, anh M vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thủy T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Trần Thị Thủy T được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Trần Thị Mỹ U, sinh ngày 15/9/2010 và Trần Hoàng P, sinh ngày 25/9/2015. Khi ly hôn, chị Trần Thị Thủy T được trực tiếp nuôi 02 con. Ghi nhận chị Trần Thị Thủy T không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thủy T trình bày không có, không yêu cầu, anh Trần Văn M vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thủy T trình bày không có, anh Trần Văn M vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Trần Thị Thủy T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009520 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng